| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỘC NINH**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 68/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 05-9-2023
*V/v "Ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Văn Quyết

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Ông Võ Đức Thọ

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:*** Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 255/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc *"Ly hôn, nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Thị P**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**** Bị đơn*:** Ông **Điểu K**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

HKTT: Ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Thị P trình bày:*

*+ Về quan hệ hôn nhân:* Bà Thị P và ông Điểu K có tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2004. Đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi sống chung có tìm hiểu nhau trong thời gian 03 tháng.

Sau khi sống chung vợ chồng bà Thị P sống tự lập tại ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng bà Thị P sống hạnh phúc đến tháng 6/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh P, ông Điểu K thường xuyên kiếm chuyện đánh đập bà Thị P nên vợ chồng bà Thị P sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thị P làm đơn xin được ly hôn với ông Điểu K.

+ *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung:

1. Điểu P, sinh ngày 24/01/2005

2. Thị Kim N, sinh ngày 15/12/2014

Hiện nay các con đang sống cùng bà Thị P tại ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Khi ly hôn bà Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên là Thị Kim N, sinh ngày 15/12/2014. Đối với con tên là Điểu P, sinh ngày 24/01/2005 đã trưởng thành nên bà Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về yêu cầu cấp dưỡng*: Khi ly hôn bà Thị P không yêu cầu ông Điểu K phải cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng bà Thị P không nhận ai làm con nuôi và hiện nay bà Thị P không mang thai

+ *Về tài sản chung:* Bà Thị P và ông Điểu K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Bà Thị P và ông Điểu K không có nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai - bị đơn ông Điểu K trình bày như sau:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông thống nhất với bà Thị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông K thì ông K đồng ý ly hôn với bà P.

+ *Về con chung:* Ông K và bà P có 02 con chung tên là Thị Kim N, sinh ngày 15/12/2014 và Điểu P, sinh ngày 24/01/2005. Hiện nay con chung đang sống chung với bà P, khi ly hôn thì ông K đồng ý để bà P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Điểu K khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị P.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị P được ly hôn với ông Điểu K.

+ Về con chung: Giao cho bà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung tên là Thị Kim N, sinh ngày 15/12/2014.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Ông K và bà P khẳng định không có nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Ông K và bà P khẳng định không có nợ chung và không ai yêu cầu nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Thị P có đơn khởi kiện ly hôn với ông Điểu K tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy ông Điểu K có nơi cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã có ý kiến xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Thị P và ông Điểu K tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Như vậy, hôn nhân giữa bà Thị P và ông Điểu K là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà Thị P cho rằng vợ chồng sống không hạnh P, phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Nay nhận thấy vợ chồng

không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thị P xin được ly hôn với ông Điểu K.

Trong quá trình giải quyết, ông K thừa nhận giữa ông và bà Thị P có mâu thuẫn, ông K đồng ý ly hôn với bà P.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Thị P và ông Điểu K đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh P, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Thị P được ly hôn với ông Điểu K.

+ *Về con chung:* Bà Thị P và ông Điểu K có 02 con chung tên là Thị Kim N, sinh ngày 15/12/2014 và Điểu P, sinh ngày 24/01/2005. Khi ly hôn bà Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên là Thị Kim N, sinh ngày 15/12/2014, đối với con Điểu P đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K cũng đồng ý giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cháu Thị Kim N, sinh ngày 15/12/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Thị P không yêu cầu ông Điểu K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ *Về tài sản chung:* Bà Thị P và ông Điểu K khẳng định tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Bà Thị P và ông Điểu K khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà P phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Lộc Ninh là phù hợp nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85, 86 và 87 Luật hôn nhân gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị P

*1/ Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Thị P được ly hôn với ông Điểu K.

*2/ Về con chung:* Giao cho bà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Thị Kim N, sinh ngày 15/12/2014.

Đối với con chung tên là Điểu P đã trưởng thành, các đương sự không có ý kiến hay yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

*3/ Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Thị P không yêu cầu ông Điểu K phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*4/ Về tài sản chung:* Bà Thị P và ông Điểu K khẳng định tự thỏa thuận và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

*5/ Về nợ chung:* Bà Thị P và ông Điểu K khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không xem xét giải quyết.

*6/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Thị P phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 0010606 ngày 11/7/2023.

*7/ Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *UBND xã Lộc Thiện*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Quyết**